VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Số: 630 /BTTNVN
V/v công khai dự toán năm 2022 (đợt 4)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Thực hiện Công văn số 99/VHL-KHTC ngày 17/01/2019 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc thực hiện công khai NSNN, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam kính trình Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam biểu báo cáo công khai dự toán năm 2022 (đợt 4) (biểu mẫu số 02) kèm theo công văn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban KHTC;
- Lưu: VT, KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Nguyễn Trung Minh

Đơn vị: Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam
Chương: 046

Biểu số 2

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 - ĐỢT 4

(Kèm theo Công văn số 630 /BTTNVN ngày 20 / 12 /2022
của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**8.038,6**
1	**Số thu phí, lệ phí**	**8.038,6**
1.1	Lệ phí	-
1.2	Phí	-
1.3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	-
1.4	Thu sự nghiệp khác	8.038,6
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**-**
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**27.859,3**
1	**Chi quản lý hành chính**	**-**
2	**Nghiên cứu khoa học**	**22.199,3**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.200,0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	*1.050,0*
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở chọn lọc	*150,0*
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	20.999,3
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**-**
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**-**
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**-**
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**1.200,0**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.200,0
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**-**
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**4.460,0**
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.460,0
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**-**
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**-**
11	**Chi Chương trình mục tiêu**	**-**